

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

“Về việc: Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quyên.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Vũ Đình Mạnh và bà Vũ Thị Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Bích H**, sinh năm 1972.

HKTT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

**Bị đơn:** Anh **Vũ Văn H**, sinh năm 1969.

HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có mặt, anh H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn- chị Trần Thị Bích H trình bày:**

Chị và anh Vũ Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 29/11/1990 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện B, tỉnh H). Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống, lao động tại địa phương, khoảng năm 2001 chị đi làm thuê, thỉnh thoảng mới về. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn, theo chị nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong cách quản lý kinh tế. Anh H không có trách nhiệm với gia đình, không có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình, thường xuyên tụ tập chơi bời bài bạc... Chị đã nhiều lần tham gia

góp ý, tha thứ lỗi lầm của anh H nhưng anh H không thay đổi. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng từ mừng 2 tết Nguyên đán năm 2020, anh H đánh, chửi, đuổi vợ con, chị phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Từ đó chị và các con thuê nhà ở riêng không quay lại chung sống cùng anh H nữa, chị và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tháng 5/2020, chị nộp đơn xin ly hôn anh H, sau khi Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án, bản thân chị cũng muốn tạo cơ hội cho anh H để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn, đoàn tụ nên chị rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi Tòa án đình chỉ vụ án, chị và anh H không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ mà mỗi người vẫn sống một nơi, không hề quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm, lòng tin với anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Chị và anh H có hai con chung là Vũ Văn L, sinh năm 1992 và Vũ Thị T, sinh năm 1998. Hai con chung đều đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn- anh Vũ Văn H trình bày:** Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Mừng 2 tết Nguyên đán năm 2020, chị H và cháu L có lời lẽ, thái độ không tôn trọng anh dẫn đến vợ chồng, bố con xảy ra to tiếng, xô xát. Chị H cùng con đã tự ý bỏ lên Hà Nội thuê nhà sinh sống không quay lại gia đình anh. Thời gian đầu anh có liên lạc tìm chị H về nhưng chị H không chấp nhận, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Chị H xin ly hôn anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương theo yêu cầu của chị H.

Vợ chồng có hai con chung Vũ Văn L, sinh năm 1992 và Vũ Thị T, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, chị H tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh H vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích H. Xử cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn anh Vũ Văn H.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung Vũ Văn L, sinh năm 1992 và Vũ Thị T, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành - chị H, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Văn H là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích H và anh Vũ Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện B, tỉnh Hải Dương) năm 1990, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tuy hai bên chưa đánh giá chính xác về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ đầu năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tháng 5/2020, chị H nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Chị H giữ nguyên quan điểm ly hôn, anh H bày tỏ quan điểm không đồng ý ly hôn nhưng anh không hợp tác với Tòa án trong việc thu thập chứng cứ mà anh có thái độ bỏ mặc.

Xét mâu thuẫn giữa chị H, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H, anh H có hai con chung Vũ Văn L, sinh năm 1992 và Vũ Thị T, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành; chị H, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị Bích H khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên chị phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích H.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn anh Vũ Văn H.

2- Về quan hệ con chung: Không phải giải quyết.

3- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Chị Trần Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009549 ngày 29/10/2020.

5- Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND Thái Dương, huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Quyên**